

Số: /2021/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

Dự thảo
(Đã tiếp thu ý kiến thẩm tra
của Ban kinh tế - ngân sách)

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu
cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 2 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 năm 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều về Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Thực hiện Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030;

Thực hiện Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 - 2025);

Thực hiện Chương trình hành động số 04-CTr/TU của Tỉnh ủy ngày 09 tháng 12 năm 2020 về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 – 2025);

Xét Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 69/BC-HĐND-KTNS ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, nội dung và mức chi từ ngân sách Nhà nước hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ được nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Phước có hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ có khả năng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, trong đó ưu tiên xem xét hỗ trợ cho các đối tượng sau:

- Chủ đầu tư, tác giả của kết quả nghiên cứu khoa học, sản phẩm ứng dụng công nghệ cao có khả năng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đã được cấp có thẩm quyền đánh giá, nghiệm thu;

- Các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh sản xuất các sản phẩm, dịch vụ có thế mạnh, đặc thù của địa phương đã được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể;

- Các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh đã được cấp giấy chứng nhận OCOP (Chương trình mỗi xã một sản phẩm) hoặc giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu từ cấp tỉnh trở lên;

- Các tổ chức trung gian tham gia hoạt động kiểm soát, quản lý các sản phẩm đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và giống cây trồng;

- Tổ chức, cá nhân chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng hoặc đầu tư cho công tác chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng hoặc được chuyển giao quyền đối với giống cây trồng có tính mới, tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định, có tên phù hợp, có khả năng mang lại năng suất, chất lượng cao và thuộc Danh mục loài cây trồng được Nhà nước bảo hộ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành;

- Chủ đầu tư, tác giả của sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và sản phẩm, dịch vụ khác đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ có tính ứng dụng cao, khả năng áp dụng rộng rãi, có lợi ích thiết thực cho xã hội, cộng đồng;

- Chủ đầu tư, tác giả của sáng kiến đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh hoặc toàn quốc;

- Tác giả của sản phẩm, giải pháp đoạt giải tại cuộc thi từ cấp tỉnh trở lên.

b) Cơ quan quản lý Nhà nước và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến hoạt động sở hữu trí tuệ, phát triển thương hiệu trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

c) Quy định này không áp dụng đối với doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Các tổ chức, cá nhân chủ động bố trí kinh phí để xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu cho sản phẩm, dịch vụ của mình theo quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế. Ngân sách Nhà nước đảm bảo hoặc hỗ trợ một phần kinh phí trong việc tạo lập, quản lý, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các hoạt động theo các nội dung được quy định chi tiết tại Nghị quyết này.

2. Mỗi tổ chức, cá nhân được chọn nhiều nội dung đề nghị hỗ trợ và mỗi nội dung chỉ được hỗ trợ một lần.

3. Kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách Nhà nước được lập kế hoạch chi tiết theo từng loại nguồn vốn, được phân bổ và sử dụng theo tiến độ, cơ cấu nguồn vốn của nhiệm vụ đã được phê duyệt.

4. Ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho các nhiệm vụ, hoạt động theo quy định này đảm bảo có hiệu quả, không trùng lặp với chương trình, dự án, nhiệm vụ khác; đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Mức chi từ ngân sách Nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết này là các mức tối đa; phần còn lại (nếu có) do tổ chức, cá nhân tham gia đối ứng.

Điều 3. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu thông qua thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước

1. Đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của địa phương và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP.

Hỗ trợ 100 % kinh phí thực hiện nhiệm vụ từ nguồn ngân sách Nhà nước dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định Quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030, Quyết định số 74/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Hỗ trợ đăng ký bảo hộ trong nước đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bản quyền tác giả, giống cây trồng mới. Nội dung hỗ trợ gồm hoàn thiện bản thiết kế mẫu hoặc bản vẽ kỹ thuật, tra cứu khả năng bảo hộ, thuê đại diện về sở hữu trí tuệ tại Việt Nam, lập và nộp hồ sơ bảo hộ, theo dõi đơn đăng ký bảo hộ.

a) Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế: 24 triệu đồng/đơn (Hai mươi bốn triệu đồng/đơn).

b) Đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp: 12 triệu đồng/đơn (Mười hai triệu đồng/đơn).

c) Đối với giống cây trồng mới: 24 triệu đồng/đơn (Hai mươi bốn triệu đồng/đơn).

d) Đối với đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn: 08 triệu đồng/đơn (Tám triệu đồng/đơn).

đ) Đối với đơn đăng ký bảo hộ bản quyền tác giả: 04 triệu đồng/đơn (Bốn triệu đồng/đơn).

3. Hỗ trợ đăng ký bảo hộ ở nước ngoài đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, giống cây trồng mới trước đó đã nộp đơn đăng ký bảo hộ ở trong nước.

a) Nội dung hỗ trợ gồm hoàn thiện bản thiết kế mẫu hoặc bản vẽ kỹ thuật, tra cứu khả năng bảo hộ, giao dịch và dịch sang ngôn ngữ bản địa, thuê đại diện về sở hữu trí tuệ tại Việt Nam và quốc gia đăng ký, lập hồ sơ bảo hộ, theo dõi đơn đăng ký bảo hộ tại quốc gia đăng ký, báo cáo giải trình các vấn đề có liên quan theo yêu cầu của cơ quan sở hữu trí tuệ tại quốc gia đăng ký.

b) Mức hỗ trợ: 48 triệu đồng/đơn (Bốn mươi tám triệu đồng/đơn).

Điều 4. Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ.

b) Khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm được bảo hộ theo chuỗi giá trị.

c) Giới thiệu, quảng bá, triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại khác nhằm khai thác, phát triển giá trị sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

d) Áp dụng vào thực tiễn đối với các sản phẩm, dịch vụ đã được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ có tính ứng dụng cao, khả năng áp dụng rộng rãi, mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội, cộng đồng.

đ) Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của chủ thể quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và giống cây trồng; chủ thể quản lý và chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan.

e) Nâng cao năng lực tổ chức trung gian tham gia hoạt động kiểm soát, quản lý sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể.

g) Chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ có các kết quả nghiên cứu ra các sản phẩm, dịch vụ đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định tại Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Hỗ trợ 100% kinh phí từ ngân sách Nhà nước cho các nhiệm vụ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này và được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN, Quyết định số 74/2016/QĐ-UBND và Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND.

3. Miễn phí thực hiện các thủ tục chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc hỗ trợ 100 % kinh phí thực hiện các thủ tục tại cơ quan chuyên môn của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều này.

Điều 5. Hỗ trợ thúc đẩy và tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

1. Hỗ trợ 50 % kinh phí triển khai các biện pháp bảo vệ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ, được thực hiện dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN, Quyết định số 74/2016/QĐ-UBND và Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND.

2. Hỗ trợ kinh phí tổ chức trưng bày, giới thiệu, triển lãm sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cùng với các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Ngân sách Nhà nước hỗ trợ các khoản chi phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ); chi phí vận chuyển và thiết kế, dàn dựng gian hàng; chi phí hoạt động chung của ban tổ chức (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan). Mức hỗ trợ: 10 triệu đồng/đơn vị tham gia (Mười triệu đồng/đơn vị tham gia).

Điều 6. Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ hình thành, tạo dựng văn hóa sở hữu trí tuệ và phát triển thương hiệu

1. Các tổ chức, cá nhân được miễn phí tham gia, tiếp cận các thông tin, tài liệu sau đây có sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện:

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ, xây dựng và phát triển thương hiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và xây dựng ý thức, trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

b) Đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ năng về đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quản trị tài sản trí tuệ, xây dựng, quảng bá, phát triển thương hiệu sản phẩm và thương hiệu của doanh nghiệp.

c) Biên soạn, phát hành tài liệu về phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu.

2. Hỗ trợ 50 % giá trị hợp đồng tư vấn xây dựng và vận hành phần mềm, chương trình ứng dụng trên thiết bị điện tử, thiết bị di động để cung cấp thông tin, hỗ trợ, tư vấn về phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/đơn vị.

3. Thiết kế hệ thống các dấu hiệu nhận diện thương hiệu tương ứng cho các thương hiệu doanh nghiệp và thương hiệu sản phẩm.

a) Mức hỗ trợ đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ: 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp (Ba mươi triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp).

b) Mức hỗ trợ đối với các tổ chức, cá nhân khác bằng 80 % định mức quy định tại điểm a khoản này.

4. Tư vấn chiến lược xây dựng và phát triển các thương hiệu doanh nghiệp và thương hiệu sản phẩm

a) Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ: Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân khác: Mức hỗ trợ bằng 80% định mức quy định tại điểm a khoản này.

5. Hỗ trợ các hoạt động truyền thông, marketing, các hoạt động nhằm quảng bá thương hiệu doanh nghiệp, thương hiệu sản phẩm

a) Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ khởi nghiệp sáng tạo: Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân khác: Mức hỗ trợ bằng 80% định mức quy định tại điểm a khoản này.

6. Mức chi cho các hoạt động vinh danh, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu áp dụng theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn Luật thi đua, khen thưởng; Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính cho hoạt động tổ chức Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc

thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng; Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến, sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được phân bổ hằng năm.
2. Kinh phí từ nguồn chi xúc tiến thương mại hằng năm.
3. Kinh phí đối ứng của các tổ chức, cá nhân tham gia và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ hai (chuyên đề) thông qua ngày tháng năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ,
Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH